

PL01 - DANH SÁCH TỔNG HỢP HỌC PHÍ PHẢI NỘP HỌC KỲ 01 NĂM HỌC 2021-2022

CHÍNH QUY

(Kèm theo thông báo số 3380 ngày 27 tháng 10 năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tiền kỳ hè (đồng)	Số tiền theo kỳ (đồng)					Tổng tiền phải nộp (đồng)	Ghi chú
					Tổng	HP niên chế	HP tín chỉ	Miễn giảm theo đối tượng	Miễn giảm 5% HP		
Ngành Kế toán			4								
1	16051909	Nguyễn Minh Anh	QH-2016-E KETOAN	1,282,500	5,400,000		5,400,000		270,000	5,130,000	6,412,500 ĐH
2	17050470	Vũ Thị Thùy Dung	QH-2017-E KẾ TOÁN		1,350,000		1,350,000		67,500	1,282,500	1,282,500 ĐH
3	17050539	Phạm Thị Hà Vy	QH-2017-E KẾ TOÁN		11,250,000		11,250,000		562,500	10,687,500	10,687,500 ĐH
4	17050769	Lương Thị Hồng Hạnh	QH-2017-E KẾ TOÁN	855,000	5,850,000		5,850,000		292,500	5,557,500	6,412,500 ĐH
Ngành Kinh tế			180								
5	17050004	Lương Thị Hoàng Anh	QH-2017-E KINH TẾ		8,550,000		8,550,000		427,500	8,122,500	8,122,500 ĐH
6	17050012	Bùi Thị Ánh	QH-2017-E KINH TẾ	855,000						855,000	855,000 ĐH
7	17050014	Hà Hữu Bình	QH-2017-E KINH TẾ		1,350,000		1,350,000		67,500	1,282,500	1,282,500 ĐH
8	17050079	Đỗ Thị Diễm Quỳnh	QH-2017-E KINH TẾ		900,000		900,000		45,000	855,000	855,000 ĐH
9	18050001	Nguyễn Thị Thúy An	QH-2018-E KINH TẾ 1		5,650,000	4,900,000	750,000		282,500	5,367,500	5,367,500 ĐH
10	18050003	Bùi Thị Minh Anh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
11	18050005	Lê Thị Ngọc Anh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
12	18050007	Ngô Diệp Anh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
13	18050009	Nguyễn Hoài Anh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
14	18050011	Nguyễn Thị Minh Anh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
15	18050013	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
16	18050015	Lê Thị Ngọc Ánh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
17	18050017	Phan Thị Ngọc Ánh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
18	18050019	Nguyễn Ngọc Bích	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
19	18050023	Nguyễn Thị Đào	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
20	18050025	Đoàn Ngọc Diễm	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
21	18050028	Trần Thị Dung	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
22	18050030	Phạm Tiến Dũng	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH
23	18050032	Lê Thái Dương	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000 ĐH

24	18050034	Trần Thùy Dương	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
25	18050036	Nguyễn Thị Duyên	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
26	18050038	Khổng Thị Thu H	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
27	18050040	Nguyễn Thị Việt H	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
28	18050042	Nguyễn Thị Hằng	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
29	18050044	Phạm Thu Hằng	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
30	18050046	Đỗ Thị Hạnh	QH-2018-E KINH TẾ 1		6,550,000	4,900,000	1,650,000		327,500	6,222,500	6,222,500	ĐH
31	18050048	Trần Thị Hạnh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
32	18050050	Phan Thị Hào	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
33	18050052	Lã Trang Hiền	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
34	18050056	Lò Minh Hiếu	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000		3,430,000	73,500	1,396,500	1,396,500	ĐH
35	18050058	Nguyễn Thị Hoa	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
36	18050060	Nguyễn Thị Thu Hoài	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
37	18050062	Vũ Đình Huân	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
38	18050064	Trương Bích Huệ	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
39	18050068	Trần Mai Hương	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
40	18050070	Văn Thị Diệu Hương	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
41	18050072	Nguyễn Quang Huy	QH-2018-E KINH TẾ 1		5,800,000	4,900,000	900,000	4,900,000	45,000	855,000	855,000	ĐH
42	18050074	Đỗ Thị Huyền	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
43	18050076	Nguyễn Thị Khánh Huyền	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
44	18050078	Phạm Thị Huyền	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
45	18050080	Lê Minh Khánh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
46	18050082	Nguyễn Hoàng Lâm	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
47	18050084	Hoàng Thị Nhật Lệ	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
48	18050086	Đỗ Thùy Linh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
49	18050089	Nguyễn Thị Mai Linh	QH-2018-E KINH TẾ 1		6,700,000	4,900,000	1,800,000		335,000	6,365,000	6,365,000	ĐH
50	18050091	Trần Thị Linh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
51	18050095	Trịnh Bích Loan	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
52	18050097	Nguyễn Khánh Ly	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
53	18050099	Chu Thị Hoa Mai	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
54	18050101	Nghiêm Hoàng Mai	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
55	18050103	Nguyễn Thị Mai	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
56	18050105	Nguyễn Thị Xuân Mai	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
57	18050107	Bùi Thị Mến	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
58	18050109	Đương Nhật Minh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
59	18050111	Phan Thúy Ngân	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

60	18050114	Lê Thị Thảo Ngọc	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
61	18050116	Nguyễn Thị Ngọc	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
62	18050118	Nguyễn Thủy Ngọc	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
63	18050120	Lê Thị Nguyệt	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
64	18050122	Phạm Thị Nhân	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
65	18050124	Trần Thị Uyên Nhi	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
66	18050126	Phạm Thị Mỹ Ninh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
67	18050128	Nguyễn Thị Phương	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
68	18050130	Vũ Thị Phương	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
69	18050132	Ngô Thanh Phương	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
70	18050134	Nguyễn Hải Quân	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
71	18050136	Nguyễn Hồng Quý	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
72	18050138	Đỗ Thị Quyên	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
73	18050142	Trương Văn Sinh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
74	18050144	Tạ Đình Thạch	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
75	18050146	Phan Phương Thanh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
76	18050148	Ngô Thị Thảo	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
77	18050150	Vũ Thị Thảo	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
78	18050152	Lê Phương Thu	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
79	18050154	Hồ Thị Mai Thương	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
80	18050158	Phạm Thị Phương Thủy	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
81	18050160	Nguyễn Thị Thùy	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
82	18050162	Diệp Thị Thanh Thủy	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
83	18050164	Đặng Thị Phương Tr	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
84	18050166	Nông Thu Tr	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000		4,900,000				ĐH
85	18050168	Hoàng Thị Thu Trang	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
86	18050171	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
87	18050173	Nguyễn Thị Trang	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
88	18050175	Nguyễn Thu Trang	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
89	18050179	Nguyễn Thị Kiều Trinh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
90	18050181	Nguyễn Tiến Trí Tuệ	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
91	18050183	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
92	18050185	Hoàng Thị Viên	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000		3,430,000	73,500	1,396,500	1,396,500	ĐH
93	18050188	Vi Thị Hồng	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000		4,900,000				ĐH
94	18050189	Hoàng Thùy Linh	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000		3,430,000	73,500	1,396,500	1,396,500	ĐH
95	18050190	Lý Hiền Thu	QH-2018-E KINH TẾ 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

96	18050002	Nguyễn Văn An	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
97	18050004	Lê Hải Anh	QH-2018-E KINH TẾ 2		5,650,000	4,900,000	750,000		282,500	5,367,500	5,367,500	ĐH
98	18050006	Mai Thị Vân Anh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
99	18050008	Nguyễn Đăng Quỳnh Anh	QH-2018-E KINH TẾ 2	855,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,510,000	ĐH
100	18050010	Nguyễn Thị Anh	QH-2018-E KINH TẾ 2	855,000	5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	6,365,000	ĐH
101	18050012	Nguyễn Thị Quế Anh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
102	18050014	Phạm Phương Anh	QH-2018-E KINH TẾ 2		5,650,000	4,900,000	750,000		282,500	5,367,500	5,367,500	ĐH
103	18050016	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
104	18050018	Đỗ Trọng Bằng	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
105	18050020	Nguyễn Thị Ngọc Châm	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
106	18050022	Đàm Thị Kiều Chinh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
107	18050024	Trần Tiến Đạt	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
108	18050027	Đỗ Thị Dung	QH-2018-E KINH TẾ 2	855,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,510,000	ĐH
109	18050029	Nguyễn Mạnh Dũng	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
110	18050031	Hoàng Đức Dương	QH-2018-E KINH TẾ 2		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
111	18050033	Nguyễn Thị Thùy Dương	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
112	18050037	Vũ Thị Duyên	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
113	18050041	Trần Thị H	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
114	18050043	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
115	18050045	Cao Mỹ Hạnh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
116	18050047	Nguyễn Thị Hạnh	QH-2018-E KINH TẾ 2		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
117	18050049	Đặng Thị Hào	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
118	18050051	Đoàn Thị Thu Hiền	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
119	18050053	Nguyễn Thị Hiền	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
120	18050055	Lê Trung Hiếu	QH-2018-E KINH TẾ 2	855,000	5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	6,365,000	ĐH
121	18050057	Nguyễn Trịnh Minh Hiếu	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
122	18050059	Bùi Thu Hoài	QH-2018-E KINH TẾ 2		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
123	18050061	Phạm Thị Hoài	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
124	18050063	Phan Thị Thu Huệ	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
125	18050065	Vũ Thanh Huệ	QH-2018-E KINH TẾ 2		5,400,000	4,900,000	500,000		270,000	5,130,000	5,130,000	ĐH
126	18050067	Nguyễn Thị Thu Hương	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
127	18050071	Hoàng Đức Huy	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
128	18050073	Đinh Thị Thu Huyền	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
129	18050075	Lê Minh Huyền	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
130	18050077	Nguyễn Thu Huyền	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
131	18050079	Trần Thị Khánh Huyền	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

132	18050081	Nguyễn Xuân Kỳ	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
133	18050083	Đương Thị Ngọc Lan	QH-2018-E KINH TẾ 2	855,000	6,550,000	4,900,000	1,650,000		327,500	6,222,500	7,077,500	ĐH
134	18050085	Phạm Thị Liên	QH-2018-E KINH TẾ 2		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
135	18050088	Nguyễn Mai Linh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
136	18050090	Nguyễn Thuý Linh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
137	18050092	Trần Thị Thuý Linh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
138	18050094	Vũ Thuý Linh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
139	18050098	Trần Thị Ly	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
140	18050100	Khuất Thị Hiền Mai	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
141	18050102	Nguyễn Ngọc Mai	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
142	18050104	Nguyễn Thị Mai	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
143	18050106	Nguyễn Văn Mạnh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
144	18050108	Vũ Thị Miên	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
145	18050110	Nguyễn Doãn Nam	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
146	18050113	Trần Thị Thanh Ngoan	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
147	18050115	Nguyễn Minh Ngọc	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
148	18050117	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
149	18050119	Nguyễn Văn Nguyễn	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
150	18050121	Nguyễn Ánh Nguyệt	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
151	18050123	Lê Mỹ Uyên Nhi	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
152	18050125	Nguyễn Hồng Nhung	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
153	18050127	Đặng Bảo Phương	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
154	18050129	Võ Thị Hoài Phương	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
155	18050131	Bùi Thị Phượng	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
156	18050133	Vũ Thị Kim Phượng	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
157	18050135	Bùi Văn Quang	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
158	18050139	Đỗ Thu Quyên	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
159	18050141	Lê Diễm Quỳnh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
160	18050143	Cao Hoàng Sơn	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
161	18050145	Đỗ Thị Thanh	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000		4,900,000				ĐH
162	18050147	Phan Thị Phương Thảo	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
163	18050149	Trần Thị Phương Thảo	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
164	18050153	Nguyễn Thị Diệu Thu	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
165	18050155	Nguyễn Thu Thuý	QH-2018-E KINH TẾ 2		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
166	18050157	Phạm Thị Minh Thuý	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
167	18050159	Đinh Thị Ngọc Thùy	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

168	18050161	Nguyễn Thị Thùy	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
169	18050163	Lê Thủy Tiên	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
170	18050165	Nguyễn Thu Tr	QH-2018-E KINH TẾ 2	855,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,510,000	ĐH
171	18050167	Đỗ Huyền Trang	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
172	18050172	Nguyễn Thị Thu Trang	QH-2018-E KINH TẾ 2		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
173	18050174	Nguyễn Thị Trang	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
174	18050176	Phạm Thị Huyền Trang	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
175	18050178	Vũ Huyền Trang	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
176	18050180	Võ Hoàng Tuấn	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
177	18050182	Nguyễn Thị Tươi	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
178	18050184	Nguyễn Thị Thu Uyên	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
179	18050186	Trần Đức Vượng	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
180	18050187	Nguyễn Thị Xoan	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
181	18050192	Quách Thị Tuyết	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
182	18050193	Luân Nhật Hoàng	QH-2018-E KINH TẾ 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
183	16061297	Nguyễn Kiều Anh	QH-2018-E KINH TẾ-LUẬT	2,565,000							2,565,000	ĐH
184	16061331	Nguyễn Thái Hòa	QH-2018-E KINH TẾ-LUẬT	1,282,500							1,282,500	ĐH
Ngành	Kinh tế nhất triển			402								
185	16050271	Đoàn Thị Phương	QH-2016-E KTPT	855,000							855,000	ĐH
186	16050284	Đinh Thị Hồng Thắm	QH-2016-E KTPT	1,282,500							1,282,500	ĐH
187	16050285	Nguyễn Quyết Thắng	QH-2016-E KTPT		4,050,000		4,050,000		202,500	3,847,500	3,847,500	ĐH
188	16052124	Lê Thị Hồng Nhung	QH-2016-E KTPT		2,700,000		2,700,000		135,000	2,565,000	2,565,000	TN
189	16052167	Vì Thị Thùy	QH-2016-E KTPT		2,700,000		2,700,000		135,000	2,565,000	2,565,000	ĐH
190	16052170	Nông Thanh Thảo	QH-2016-E KTPT		3,150,000		3,150,000		157,500	2,992,500	2,992,500	ĐH
191	17050116	Trần Ngọc Dịu	QH-2017-E KTPT		1,350,000		1,350,000		67,500	1,282,500	1,282,500	ĐH
192	17050119	Lê Thị Thùy Dung	QH-2017-E KTPT	1,282,500	2,250,000		2,250,000		112,500	2,137,500	3,420,000	ĐH
193	17050121	Nguyễn Hiền Dương	QH-2017-E KTPT	855,000	450,000		450,000		22,500	427,500	1,282,500	ĐH
194	17050132	Nguyễn Thu Hiền	QH-2017-E KTPT	855,000							855,000	ĐH
195	17050141	Lưu Đăng Khoa	QH-2017-E KTPT		2,250,000		2,250,000		112,500	2,137,500	2,137,500	ĐH
196	17050145	Phạm Thị Linh	QH-2017-E KTPT		450,000		450,000		22,500	427,500	427,500	ĐH
197	17050171	Nguyễn Thị Phương Thảo	QH-2017-E KTPT	855,000							855,000	ĐH
198	17050179	Nguyễn Thị Huyền Trang	QH-2017-E KTPT	1,282,500							1,282,500	ĐH
199	17050183	Nguyễn Thị Thùy Trang	QH-2017-E KTPT		450,000		450,000		22,500	427,500	427,500	ĐH
200	15001164	Nguyễn Hồng Quân	QH-2017-E KTPT-TN	855,000							855,000	ĐH
201	18050194	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
202	18050196	Nguyễn Thị Lan Anh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

203	18050198	Nguyễn Văn Anh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
204	18050200	Phùng Thị Kim Anh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
205	18050202	Trần Đình Anh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
206	18050204	Đinh Thị Ngọc Ánh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
207	18050206	Kiều Thị Ngọc Bích	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
208	18050208	Phan Thị Minh Châu	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
209	18050210	Nguyễn Thị Linh Chi	QH-2018-E KTPT 1	855,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,510,000	ĐH
210	18050212	Đào Minh Đức	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
211	18050214	Ngô Thị Thu Dung	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
212	18050217	Lê Đức Duy	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
213	18050219	Nguyễn Thị Duyên	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
214	18050221	Nguyễn Thị Hương Giang	QH-2018-E KTPT 1		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
215	18050225	Dương Thị H	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
216	18050228	Trần Thu H	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000		4,900,000				ĐH
217	18050230	Hà Thu Hằng	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
218	18050232	Nguyễn Thị Hằng	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
219	18050234	Trương Thị Thúy Hằng	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
220	18050236	Phùng Thị Hạnh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
221	18050238	Nguyễn Đức Hậu	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
222	18050240	Nguyễn Thị Hiền	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
223	18050242	Vũ Đình Hiếu	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
224	18050244	Vũ Thúy Hòa	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
225	18050246	Phạm Thị Minh Huệ	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
226	18050248	Hoàng Vĩ Hương	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
227	18050250	Phạm Thị Hương	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
228	18050252	Trần Thị Thu Hương	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
229	18050255	Lê Thị Ngọc Huyền	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
230	18050257	Mai Thị Thanh Huyền	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
231	18050259	Nguyễn Thị Huyền	QH-2018-E KTPT 1	855,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,510,000	ĐH
232	18050261	Phạm Thị Huyền	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
233	18050263	Trần Ngọc Huyền	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
234	18050265	Lê Ngọc Lan	QH-2018-E KTPT 1		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
235	18050267	Đông Thị Khánh Linh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
236	18050269	Lưu Thị Linh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
237	18050273	Quách Phương Linh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
238	18050281	Nguyễn Thị Ly	QH-2018-E KTPT 1		8,500,000	4,900,000	3,600,000		425,000	8,075,000	8,075,000	ĐH

239	18050283	Trần Yến Ly	QH-2018-E KTPT 1		5,650,000	4,900,000	750,000		282,500	5,367,500	5,367,500	ĐH
240	18050285	Nguyễn Bích Hồng Mai	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
241	18050287	Nguyễn Thị Hồng Mây	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
242	18050291	Nguyễn Thị Nga	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
243	18050293	Đào Thị Ngân	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
244	18050295	Nguyễn Thị Minh Ngọc	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
245	18050297	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
246	18050299	Nguyễn Yến Nhi	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
247	18050301	Nguyễn Thị Hoàng Nhung	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
248	18050303	Nguyễn Thị Nương	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
249	18050305	Lê Thị Oanh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
250	18050307	Lê Thu Phương	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
251	18050309	Hoàng Ngọc Phượng	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
252	18050311	Phùng Thị Quyên	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
253	18050313	Nguyễn Như Quỳnh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
254	18050315	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000		ĐH
255	18050317	Đào Văn Tài	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
256	18050319	Cù Văn Tâm	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
257	18050321	Nguyễn Văn Thắng	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
258	18050323	Nguyễn Thị Thành	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
259	18050325	Lê Phương Thảo	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
260	18050327	Nguyễn Thị Thanh Thảo	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
261	18050329	Trần Đức Thiện	QH-2018-E KTPT 1		6,250,000	4,900,000	1,350,000		312,500	5,937,500	5,937,500	ĐH
262	18050333	Trần Thị Minh Thu	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
263	18050335	Thắm Anh Thư	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
264	18050337	Hoàng Thị Thương	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
265	18050339	Vũ Thị Thu Thủy	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
266	18050341	Đỗ Công Tiến	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
267	18050343	Nguyễn Thị Tính	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
268	18050345	Chu Thị Huyền Trang	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
269	18050347	Hán Thị Trang	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
270	18050349	Lê Thị Huyền Trang	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
271	18050351	Nguyễn Đài Trang	QH-2018-E KTPT 1		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
272	18050353	Nguyễn Huyền Trang	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
273	18050355	Phạm Thị Trang	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
274	18050357	Trần Thị Kiều Trang	QH-2018-E KTPT 1	855,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,510,000	ĐH

275	18050359	Trương Thu Trang	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
276	18050361	Lê Thị Hồng Tuyết	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
277	18050363	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
278	18050365	Bùi Thị Anh Vân	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
279	18050367	Đỗ Tường Vân	QH-2018-E KTPT 1		5,500,000	4,900,000	600,000		275,000	5,225,000	5,225,000	ĐH
280	18050370	Nguyễn Hà Vi	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
281	18050372	Dương Thị Hải Yến	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
282	18050374	Nguyễn Thị Hải Yến	QH-2018-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
283	18050195	Nguyễn Thị Hà Anh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
284	18050197	Nguyễn Thị Phương Anh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
285	18050199	Phạm Thị Phương Anh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
286	18050201	Tăng Minh Anh	QH-2018-E KTPT 2		6,700,000	4,900,000	1,800,000		335,000	6,365,000	6,365,000	ĐH
287	18050203	Đinh Ngọc Ánh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
288	18050205	Phạm Thị Ngọc Ánh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
289	18050207	Trịnh Ngọc Bích	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
290	18050209	Nguyễn Thị Kim Chi	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
291	18050211	Nguyễn Thị Chinh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
292	18050213	Trần Huỳnh Đức	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
293	18050215	Nguyễn Thùy Dung	QH-2018-E KTPT 2		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
294	18050218	Hoàng Thị Kỳ Duyên	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
295	18050220	Lương Thị Hương Giang	QH-2018-E KTPT 2		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
296	18050222	Nguyễn Thị Hương Giang	QH-2018-E KTPT 2		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
297	18050227	Nguyễn Thị Thu H	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
298	18050229	Đặng Thị Thanh Hằng	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
299	18050231	Lý Thị Thu Hằng	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
300	18050233	Phùng Thị Hằng	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
301	18050235	Phạm Hồng Hạnh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
302	18050237	Tăng Thị Hạnh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
303	18050239	Lê Thị Hiền	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
304	18050241	Tăng Đức Hiếu	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
305	18050245	Vũ Minh Hoàng	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
306	18050247	Bùi Thị Hương	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
307	18050249	Nguyễn Thị Linh Hương	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
308	18050251	Trần Thị Hương	QH-2018-E KTPT 2		6,100,000	4,900,000	1,200,000		305,000	5,795,000	5,795,000	ĐH
309	18050254	Hồ Thu Huyền	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
310	18050256	Mai Thanh Huyền	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

311	18050258	Nguyễn Ngọc Huyền	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
312	18050260	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
313	18050264	Vũ Thanh Huyền	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
314	18050266	Cao Thị Linh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
315	18050268	Lê Thị Mỹ Linh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
316	18050270	Nguyễn Diệu Linh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
317	18050274	Trần Thị Nhật Linh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
318	18050276	Phan Thị Thanh Loan	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
319	18050278	Triệu Khánh Lưu	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
320	18050280	Lương Thị Khánh Ly	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
321	18050282	Trần Thảo Ly	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
322	18050284	Lê Ngọc Mai	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
323	18050286	Đinh Đức Mạnh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
324	18050288	Phạm Thị Hồng Mây	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
325	18050292	Trịnh Thị Nga	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
326	18050294	Dương Thị Bích Ngọc	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
327	18050296	Trần Thị Bích Ngọc	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
328	18050298	Vũ Thị Bích Nguyệt	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
329	18050300	Nguyễn Cẩm Nhung	QH-2018-E KTPT 2	2,137,500	10,300,000	4,900,000	5,400,000		515,000	9,785,000	11,922,500	ĐH
330	18050302	Trần Thị Hồng Nhung	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
331	18050304	Bùi Thị Kiều Oanh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
332	18050306	Trần Thị Oanh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
333	18050308	Nguyễn Thị Lan Phương	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
334	18050310	Nguyễn Thị Phương	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
335	18050312	Nguyễn Cao Diễm Quỳnh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
336	18050314	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	QH-2018-E KTPT 2		5,650,000	4,900,000	750,000		282,500	5,367,500	5,367,500	ĐH
337	18050316	Phạm Thị Mai Quỳnh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
338	18050318	Nguyễn Đức Tài	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
339	18050320	Đào Duy Tấn	QH-2018-E KTPT 2		6,250,000	4,900,000	1,350,000		312,500	5,937,500	5,937,500	ĐH
340	18050322	Nguyễn Thị Minh Thanh	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
341	18050324	Trần Quốc Thành	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
342	18050326	Nguyễn Thị Phương Thảo	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
343	18050330	Bùi Thị Anh Thơ	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
344	18050332	Nguyễn Thị Thu	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
345	18050334	Nguyễn Anh Thư	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
346	18050336	Nguyễn Thị Thục	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

347	18050338	Đặng Phương Thủy	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
348	18050340	Cao Phương Thủy	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
349	18050342	Ngô Tiên Tiến	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
350	18050344	Bùi Vân Trang	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
351	18050346	Dương Hà Trang	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
352	18050348	Lê Thanh Trang	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
353	18050350	Lê Thị Huyền Trang	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
354	18050354	Nguyễn Thị Thu Trang	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
355	18050356	Phí Thị Thu Trang	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
356	18050358	Trần Thị Trang	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
357	18050360	Bùi Mạnh Tuấn	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
358	18050362	Nguyễn Cẩm Uyên	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
359	18050366	Đỗ Khánh Vân	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
360	18050369	Phạm Thị Vân	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
361	18050371	Hoàng Thị Vui	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
362	18050375	Trần Thị Yên	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
363	18050376	Trịnh Hải Yên	QH-2018-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
364	19050311	Nguyễn Thị Thanh An	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
365	19050318	Ngô Thị Anh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
366	19050321	Nguyễn Thị Mai Anh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
367	19050324	Phạm Diệu Anh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
368	19050327	Trần Thị Mai Anh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
369	19050330	Phạm Ngọc Ánh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000		4,900,000				ĐH
370	19050333	Nguyễn Thị Kim Cẩn	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000		4,900,000				ĐH
371	19050336	Hoàng Dương Hà Chi	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000		3,430,000	73,500	1,396,500	1,396,500	ĐH
372	19050344	Hà Thị Thanh Dung	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
373	19050348	Nguyễn Văn Dương	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
374	19050355	Phạm Mai Trà Giang	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
375	19050358	Lê Thu H	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
376	19050361	Tô Nguyệt H	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
377	19050364	Mai Viết Hải	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
378	19050367	Nguyễn Thị Thu Hằng	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
379	19050370	Phạm Thị Hồng Hạnh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
380	19050373	Đinh Thị Thu Hiền	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
381	19050376	Nguyễn Minh Hiếu	QH-2019-E KTPT 1		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
382	19050379	Trần Minh Hiếu	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

383	19050382	Trần Thị Thanh Hoa	QH-2019-E KTPT 1	855,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,510,000	ĐH
384	19050385	Võ Thị Thúy Hòa	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
385	19050388	Lê Thu Hoài	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
386	19050391	Đỗ Thị Thu Hồng	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
387	19050398	Nguyễn Thị Hương	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
388	19050401	Vũ Thị Hương	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
389	19050405	Lại Thị Thu Huyền	QH-2019-E KTPT 1		6,700,000	4,900,000	1,800,000		335,000	6,365,000	6,365,000	ĐH
390	19050408	Phù Văn Khải	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000		3,430,000	73,500	1,396,500	1,396,500	ĐH
391	19050411	Nguyễn Thị Vân Lam	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
392	19050414	Trần Diễm Lệ	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000		4,900,000				ĐH
393	19050418	Hồ Thị Linh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
394	19050421	Nguyễn Phương Linh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
395	19050424	Nguyễn Thị Thùy Linh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
396	19050428	Bùi Hạnh Loan	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
397	19050431	Poòng Thị Loan	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000		3,430,000	73,500	1,396,500	1,396,500	ĐH
398	19050434	Phạm Thị Luân	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
399	19050437	Nguyễn Thị Hương Ly	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
400	19050440	Lê Ngọc Mai	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
401	19050444	Trương Thị Mai	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000		3,430,000	73,500	1,396,500	1,396,500	ĐH
402	19050447	Lê Thị Trà My	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
403	19050450	Phạm Văn Nam	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
404	19050453	Dương Thị Kim Ngân	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
405	19050456	Trần Thị Thúy Ngân	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
406	19050459	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
407	19050462	Đặng Thị Nguyệt	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
408	19050465	Đoàn Thị Chinh Nhi	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
409	19050468	Nguyễn Phương Nhung	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
410	19050471	Lò Thị Oanh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
411	19050474	Đỗ Xuân Phong	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
412	19050484	Trần Thu Phương	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
413	19050488	Phạm Thị Quyên	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
414	19050491	Vũ Thị Nam Quỳnh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
415	19050497	Nguyễn Đức Thắng	QH-2019-E KTPT 1		8,500,000	4,900,000	3,600,000		425,000	8,075,000	8,075,000	ĐH
416	19050500	Nguyễn Thị Thành	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
417	19050503	Lê Thị Thảo	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
418	19050506	Nguyễn Thị Thảo	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

419	19050510	Trương Thị Thảo	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
420	19050514	Trần Thị Thu	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
421	19050518	Nguyễn Thị Thúy	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
422	19050522	Vũ Ngọc Thủy	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
423	19050525	Nguyễn Thị Thanh Tr	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
424	19050529	Lê Thị Trang	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
425	19050532	Nguyễn Thu Trang	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
426	19050536	Trần Thị Thu Trang	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
427	19050539	Lê Đức Trung	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
428	19050543	Lê Quang Tùng	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
429	19050546	Nguyễn Thị Thu Uyên	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
430	19050550	Nguyễn Thị Vân	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
431	19050553	Bùi Thị Vinh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
432	19050558	Đào Thị Thanh Yên	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
433	19050564	Nguyễn Tiến Nam	QH-2019-E KTPT 1	855,000	8,500,000	4,900,000	3,600,000		425,000	8,075,000	8,930,000	ĐH
434	19050568	Nguyễn Tùng Lâm	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
435	19050577	Trần Thị Khánh Linh	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
436	19050597	Phạm Thị Hoa	QH-2019-E KTPT 1		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
437	19050312	Bùi Phương Anh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
438	19050315	Đỗ Văn Anh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
439	19050319	Nguyễn Minh Anh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
440	19050322	Nguyễn Thị Tú Anh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
441	19050325	Phạm Minh Anh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
442	19050328	Vương Thị Lan Anh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
443	19050331	Tạ Thị Ngọc Ánh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
444	19050334	Phùng Thị Châm	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
445	19050337	Hoàng Linh Chi	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
446	19050340	Nguyễn Thành Đạt	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
447	19050345	Nguyễn Thị Thùy Dung	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
448	19050349	Phạm Thùy Dương	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
449	19050353	Lê Trường Giang	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
450	19050356	Vũ Lam Giang	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
451	19050359	Nguyễn Thị H	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
452	19050362	Bàn Xuân Hải	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000	4,900,000					ĐH
453	19050365	Đầu Thị Thanh Hằng	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
454	19050368	Trương Thị Hằng	QH-2019-E KTPT 2		5,650,000	4,900,000	750,000		282,500	5,367,500	5,367,500	ĐH

455	19050371	Bùi Thanh Hiền	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
456	19050374	Nguyễn Thị Thu Hiền	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
457	19050377	Nguyễn Minh Hiếu	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
458	19050383	Phạm Thị Thu Hòa	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
459	19050386	Đỗ Thị Thu Hoài	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
460	19050389	Nguyễn Thị Thu Hoài	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
461	19050393	Trần Thị Huế	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
462	19050396	Nguyễn Mai Hương	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
463	19050399	Nguyễn Thị Hương	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
464	19050403	Dương Quang Huy	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
465	19050406	Nguyễn Ngọc Lương Huyền	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
466	19050409	Bùi Quang Khánh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
467	19050416	Trần Thị Liên	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
468	19050419	Lê Thị Thùy Linh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
469	19050422	Nguyễn Phương Linh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
470	19050426	Phạm Thị Linh	QH-2019-E KTPT 2	475,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,130,000	ĐH
471	19050429	Phạm Thị Loan	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
472	19050432	Trần Hoàng Long	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
473	19050435	Phạm Thị Luyến	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
474	19050441	Lục Thị Ngọc Mai	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
475	19050445	Võ Thị Mai	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000	3,430,000	73,500		1,396,500	1,396,500	ĐH
476	19050448	Nguyễn Thị Hà My	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
477	19050451	Dương Thúy Nga	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
478	19050457	Võ Thị Ngân	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
479	19050463	Nguyễn Thị Nguyệt	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
480	19050466	Nguyễn Thị Nhiên	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000	3,430,000	73,500		1,396,500	1,396,500	ĐH
481	19050469	Nguyễn Thị Hồng Nhung	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
482	19050472	Nguyễn Thị Kim Oanh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
483	19050476	Nguyễn Hồng Phúc	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
484	19050478	Lê Thị Lan Phương	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
485	19050482	Phạm Thu Phương	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
486	19050485	Trần Thu Phương	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
487	19050489	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
488	19050492	Lại Thị Sao	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
489	19050498	Nguyễn Thị Thanh	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
490	19050501	Trần Đức Thành	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

491	19050504	Ngô Thanh Thảo	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
492	19050508	Phạm Thanh Thảo	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
493	19050511	Vũ Thị Thảo	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
494	19050516	Hoàng Thanh Thúy	QH-2019-E KTPT 2		5,400,000	4,900,000	500,000		270,000	5,130,000	5,130,000	ĐH
495	19050520	Phan Thị Thanh Thùy	QH-2019-E KTPT 2	855,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,510,000	ĐH
496	19050523	Lê Thị Thùy Tiên	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
497	19050526	Đào Thị Trang	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
498	19050530	Nguyễn Thị Thu Trang	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
499	19050534	Phạm Thị Kiều Trang	QH-2019-E KTPT 2		5,650,000	4,900,000	750,000		282,500	5,367,500	5,367,500	ĐH
500	19050537	Vũ Thị Kiều Trang	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
501	19050541	Lê Văn Tuấn	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
502	19050544	Lương Thị Tươi	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
503	19050547	Phạm Thị Uyên	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
504	19050551	Vy Thị Cẩm Vân	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
505	19050554	Phạm Minh Vũ	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
506	19050559	Hoàng Thị Mai Yên	QH-2019-E KTPT 2		5,650,000	4,900,000	750,000		282,500	5,367,500	5,367,500	ĐH
507	19050565	Hoàng Xuân Bách	QH-2019-E KTPT 2		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
508	19050569	Lê Tuấn Minh	QH-2019-E KTPT 2		7,150,000	4,900,000	2,250,000		357,500	6,792,500	6,792,500	ĐH
509	19050578	Nguyễn Thị Ngân Linh	QH-2019-E KTPT 2	475,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,130,000	ĐH
510	19050313	Đỗ Quỳnh Anh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
511	19050317	Lý Phúc Khánh Anh	QH-2019-E KTPT 3	475,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,130,000	ĐH
512	19050320	Nguyễn Thị Mai Anh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
513	19050323	Nguyễn Văn Anh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
514	19050326	Phạm Thị Lan Anh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
515	19050329	Lê Thị Ngọc Ánh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
516	19050332	Hoàng Thành Bách	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
517	19050338	Nguyễn Doãn Chiến	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
518	19050341	Nguyễn Thị Diễm	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
519	19050343	Đỗ Thị Kim Dung	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
520	19050347	Đặng Thùy Dương	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
521	19050350	Hà Ngọc Duyên	QH-2019-E KTPT 3	475,000	4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	5,130,000	ĐH
522	19050354	Nguyễn Thị Hương Giang	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
523	19050357	Đào Thị H	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
524	19050363	Hồ Thị Hải	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
525	19050366	Nguyễn Thị Thu Hằng	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
526	19050369	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

527	19050372	Cao Phương Hiền	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
528	19050375	Lê Đình Hiệp	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
529	19050378	Nguyễn Trung Hiếu	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
530	19050381	Nông Thị Hoa	QH-2019-E KTPT 3	1,710,000	4,900,000	4,900,000		3,430,000	73,500	1,396,500	3,106,500	ĐH
531	19050384	Tạ Minh Hòa	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
532	19050387	Lại Thị Thu Hoài	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000		4,900,000				ĐH
533	19050390	Tạ Việt Hoàng	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
534	19050394	Nguyễn Thị Huệ	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
535	19050397	Nguyễn Thị Hương	QH-2019-E KTPT 3		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
536	19050400	Nguyễn Thị Thanh Hương	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
537	19050404	Phạm Mậu Huy	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
538	19050407	Nguyễn Thị Huyền	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
539	19050410	Nguyễn Thị Kỳ	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
540	19050413	Hoàng Thị Ngọc Lệ	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
541	19050417	Bùi Thị Thùy Linh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
542	19050420	Nguyễn Hoài Linh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000		4,900,000				ĐH
543	19050423	Nguyễn Thị Linh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
544	19050427	Vũ Ngọc Linh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
545	19050430	Phan Thị Phương Loan	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
546	19050433	Đinh Thị Lụa	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
547	19050436	Ngô Thị Ly	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
548	19050439	Bùi Thị Lý	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000		3,430,000	73,500	1,396,500	1,396,500	ĐH
549	19050442	Nguyễn Thị Mai	QH-2019-E KTPT 3		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
550	19050446	Hoàng Thị Kiều Nga My	QH-2019-E KTPT 3		6,700,000	4,900,000	1,800,000		335,000	6,365,000	6,365,000	ĐH
551	19050449	Đào Hoài Nam	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
552	19050452	Nguyễn Thị Ng	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
553	19050458	Phạm Quang Nghị	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
554	19050461	Ninh Thị Kim Ngọc	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
555	19050464	Nguyễn Thị Nhật	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
556	19050467	Đoàn Hồng Nhung	QH-2019-E KTPT 3		5,650,000	4,900,000	750,000		282,500	5,367,500	5,367,500	ĐH
557	19050470	Nguyễn Thị Thúy Nhung	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
558	19050475	Hoàng Quang Phong	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
559	19050480	Nguyễn Thu Phương	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
560	19050483	Trần Thị Thảo Phương	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
561	19050487	Nghiêm Thị Quyên	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
562	19050490	Phạm Thị Quỳnh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH

563	19050493	Hà Huỳnh Sơn	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000		3,430,000	73,500	1,396,500	1,396,500	ĐH
564	19050496	Bùi Hữu Thắng	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
565	19050499	Trần Thị Thanh	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
566	19050502	Lê Thị Thảo	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
567	19050505	Nguyễn Thị Phương Thảo	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
568	19050509	Trịnh Thị Thanh Thảo	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
569	19050513	Nguyễn Thị Minh Thu	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
570	19050517	Nguyễn Thị Thúy	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
571	19050521	Đoàn Thị Thu Thủy	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
572	19050524	Lý Hương Tr	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
573	19050528	Ho	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
574	19050531	Nguyễn Thị Trang	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
575	19050535	Thiều Thị Đoan Trang	QH-2019-E KTPT 3		5,800,000	4,900,000	900,000		290,000	5,510,000	5,510,000	ĐH
576	19050538	Nguyễn Thị Phương Trinh	QH-2019-E KTPT 3		7,000,000	4,900,000	2,100,000		350,000	6,650,000	6,650,000	ĐH
577	19050542	Nguyễn Minh Tuấn	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000		4,900,000				ĐH
578	19050545	Phạm Thị Tuyết	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
579	19050549	Ngô Thanh Vân	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
580	19050552	Nguyễn Thị Thúy Vi	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
581	19050556	Nguyễn Thị Xuân	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
582	19050560	Nguyễn Thị Hải Yến	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
583	19050575	Đặng Thị Hòa	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
584	19050596	Lê Phương Thùy	QH-2019-E KTPT 3		4,900,000	4,900,000			245,000	4,655,000	4,655,000	ĐH
585	18063070	Vũ Thị Thảo Linh	QH-2019-E KTPT-LUẬT	2,565,000	10,800,000		10,800,000		540,000	10,260,000	12,825,000	ĐH
586	17001344	Nguyễn Đức Duy	QH-2019-E KTPT-TN		9,450,000		9,450,000		472,500	8,977,500	8,977,500	ĐH
Ngành	Kinh tế quốc tế			59								
587	16050525	Lê Quốc Dũng	QH-2016-E KTQT	2,565,000							2,565,000	ĐH
588	17050201	Nguyễn Thị Duyên	QH-2017-E KTQT		450,000		450,000		22,500	427,500	427,500	ĐH
589	17050226	Nguyễn Thu Hồng	QH-2017-E KTQT		1,350,000		1,350,000		67,500	1,282,500	1,282,500	ĐH
590	17050261	Nguyễn Trà My	QH-2017-E KTQT		7,650,000		7,650,000		382,500	7,267,500	7,267,500	ĐH
591	17050267	Nguyễn Thị Ngọc	QH-2017-E KTQT	1,282,500	12,600,000		12,600,000		630,000	11,970,000	13,252,500	ĐH
592	17050791	Dương Hồng Lập	QH-2017-E KTQT	855,000	4,500,000		4,500,000		225,000	4,275,000	5,130,000	ĐH
593	17050793	Lê Thị Thủy Tiên	QH-2017-E KTQT	1,282,500							1,282,500	ĐH
594	15040574	Dương Thị Thanh Nhung	QH-2017-E KTQT-NN	855,000							855,000	ĐH
595	16040031	Trần Huyền Anh	QH-2017-E KTQT-NN	855,000							855,000	ĐH
596	16040039	Nguyễn Thắng Nam Anh	QH-2017-E KTQT-NN	1,282,500	3,600,000		3,600,000		180,000	3,420,000	4,702,500	ĐH
597	16040258	Lê Quỳnh Mai	QH-2017-E KTQT-NN		1,350,000		1,350,000		67,500	1,282,500	1,282,500	ĐH

598	16040328	Lục Thị Phương	QH-2017-E KTQT-NN	855,000						855,000	ĐH	
599	16040475	Lê Thị Vân Anh	QH-2017-E KTQT-NN	855,000						855,000	ĐH	
600	16040675	Nguyễn Hà Phương	QH-2017-E KTQT-NN	1,282,500						1,282,500	ĐH	
601	16041064	Nguyễn Bích Hằng	QH-2017-E KTQT-NN	2,137,500	1,350,000		1,350,000		67,500	1,282,500	3,420,000	ĐH
602	16042122	Nguyễn Mai Chi	QH-2017-E KTQT-NN	855,000							855,000	ĐH
603	16042272	Trịnh Thu H	QH-2017-E KTQT-NN	855,000							855,000	ĐH
604	16042791	Nguyễn Thanh Thùy	QH-2017-E KTQT-NN	855,000							855,000	ĐH
605	15042883	Trịnh Thị Hồng Phương	QH-2018-E KTQT-NN	855,000							855,000	ĐH
606	16041201	Phan Thị Linh	QH-2018-E KTQT-NN	855,000							855,000	ĐH
607	16041316	Trần Thị Thủy Tiên	QH-2018-E KTQT-NN	855,000	2,700,000		2,700,000		135,000	2,565,000	3,420,000	ĐH
608	16042138	Trần Hoài Linh	QH-2018-E KTQT-NN	1,282,500	5,400,000		5,400,000		270,000	5,130,000	6,412,500	ĐH
609	16042176	Nguyễn Thị Minh Châu	QH-2018-E KTQT-NN	1,282,500	5,400,000		5,400,000		270,000	5,130,000	6,412,500	ĐH
610	16042266	Lý Khánh Quyên	QH-2018-E KTQT-NN	3,847,500	8,100,000		8,100,000		405,000	7,695,000	11,542,500	ĐH
611	16042419	Nguyễn Thị Khánh H	QH-2018-E KTQT-NN	2,137,500	2,700,000		2,700,000		135,000	2,565,000	4,702,500	ĐH
612	16042637	Bạch Thanh Mai	QH-2018-E KTQT-NN	855,000							855,000	ĐH
613	17040010	Nguyễn Thị Thu Hằng	QH-2018-E KTQT-NN	2,137,500	2,700,000		2,700,000		135,000	2,565,000	4,702,500	ĐH
614	17040011	Nguyễn Thủy Lan	QH-2018-E KTQT-NN	1,282,500	5,400,000		5,400,000		270,000	5,130,000	6,412,500	ĐH
615	17040022	Lê Kim Chi	QH-2018-E KTQT-NN	2,137,500	5,400,000		5,400,000		270,000	5,130,000	7,267,500	ĐH
616	17040036	Tạ Minh Loan	QH-2018-E KTQT-NN	2,137,500	2,700,000		2,700,000		135,000	2,565,000	4,702,500	ĐH
617	17040371	Nguyễn Hà Linh	QH-2018-E KTQT-NN	2,565,000	12,150,000		12,150,000		607,500	11,542,500	14,107,500	ĐH
618	17040404	Ngô Thị Thanh Dịu	QH-2018-E KTQT-NN	855,000	2,700,000		2,700,000		135,000	2,565,000	3,420,000	ĐH
619	17040433	Phạm Thị Thương Thảo	QH-2018-E KTQT-NN	855,000	2,700,000		2,700,000		135,000	2,565,000	3,420,000	ĐH
620	17040603	Lê Thục Linh	QH-2018-E KTQT-NN	2,565,000	13,050,000		13,050,000		652,500	12,397,500	14,962,500	ĐH
621	17040643	Vũ Thị Phương Anh	QH-2018-E KTQT-NN	1,282,500	9,450,000		9,450,000		472,500	8,977,500	10,260,000	ĐH
622	17040752	Trần Mai Linh	QH-2018-E KTQT-NN	1,282,500							1,282,500	ĐH
623	17040865	Nguyễn Thị Xuân Thi	QH-2018-E KTQT-NN	2,137,500	9,000,000		9,000,000		450,000	8,550,000	10,687,500	ĐH
624	17040866	Trần Mai Linh	QH-2018-E KTQT-NN	1,282,500	10,800,000		10,800,000		540,000	10,260,000	11,542,500	ĐH
625	17041018	Nguyễn Minh Anh	QH-2018-E KTQT-NN		4,050,000		4,050,000		202,500	3,847,500	3,847,500	ĐH
626	17041021	Nguyễn Phương H	QH-2018-E KTQT-NN		4,050,000		4,050,000		202,500	3,847,500	3,847,500	ĐH
627	17041050	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	QH-2018-E KTQT-NN	2,565,000	1,350,000		1,350,000		67,500	1,282,500	3,847,500	ĐH
628	17041092	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	QH-2018-E KTQT-NN		1,350,000		1,350,000		67,500	1,282,500	1,282,500	ĐH
629	17041123	Nguyễn Minh Huyền	QH-2018-E KTQT-NN	1,282,500							1,282,500	ĐH
630	17040352	Dương Mỹ Duyên	QH-2019-E KTQT-NN		12,600,000		12,600,000		630,000	11,970,000	11,970,000	ĐH
631	17040579	Đinh Thị Thu Uyên	QH-2019-E KTQT-NN	1,282,500	13,500,000		13,500,000		675,000	12,825,000	14,107,500	ĐH
632	17040623	Phạm Thị Thu Hương	QH-2019-E KTQT-NN	1,282,500	10,800,000		10,800,000		540,000	10,260,000	11,542,500	ĐH
633	18040213	Nguyễn Mai Anh	QH-2019-E KTQT-NN	3,847,500	9,450,000		9,450,000		472,500	8,977,500	12,825,000	ĐH

668	17041111	Hà Thị Thu Huyền	QH-2018-E TCNH-NN	2,565,000	1,350,000		1,350,000		67,500	1,282,500	3,847,500	ĐH
669	16061053	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	QH-2019-E TCNH-LUẬT	2,565,000							2,565,000	ĐH
670	16061105	Lê Trần Mai Hiền	QH-2019-E TCNH-LUẬT	2,565,000							2,565,000	ĐH
671	16061130	Trần Thị Trinh	QH-2019-E TCNH-LUẬT	2,565,000							2,565,000	ĐH
672	17060209	Nguyễn Thị Thủy Ngân	QH-2019-E TCNH-LUẬT	5,130,000	10,800,000		10,800,000		540,000	10,260,000	15,390,000	ĐH
673	18061201	Lộ Hương Quỳnh	QH-2019-E TCNH-LUẬT		2,700,000		2,700,000		135,000	2,565,000	2,565,000	ĐH
674	18061247	Hoàng Thuỳ Linh	QH-2019-E TCNH-LUẬT		2,700,000		2,700,000		135,000	2,565,000	2,565,000	ĐH
675	18040402	Nguyễn Thị Phương Anh	QH-2019-E TCNH-NN		4,050,000		4,050,000		202,500	3,847,500	3,847,500	ĐH